

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hạn mức về đất ở trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 942/TTr-STNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Báo cáo thẩm định số 333/BC-STP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về hạn mức giao đất ở nông thôn theo quy định tại khoản 2 Điều 195, hạn mức giao đất ở đô thị theo quy định tại khoản 2 Điều 196, hạn mức công nhận đất ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện hạn mức đất ở; người sử dụng đất và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc sử dụng và quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Hạn mức đất ở

1. Hạn mức giao đất ở

a) Đối với thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn:

- Các phường: Nhơn Bình, Nhơn Phú, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân (thuộc thành phố Quy Nhơn); các phường: Bình Định, Đập Đá (thuộc thị xã An Nhơn); các phường Bồng Sơn, Tam Quan (thuộc thị xã Hoài Nhơn): 140m²;

- Các phường còn lại thuộc thành phố Quy Nhơn: 80m²;

- Các xã thuộc thành phố Quy Nhơn; các phường: Nhơn Thành, Nhơn Hưng, Nhơn Hòa (thuộc thị xã An Nhơn); Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam, Hoài Hảo, Hoài Thanh Tây, Hoài Thanh, Hoài Hương, Hoài Xuân, Hoài Tân, Hoài Đức (thuộc thị xã Hoài Nhơn): 200m²;

- Đối với xã miền núi (xã Hoài Sơn): 400m²;

- Các xã thuộc thị xã An Nhơn và các xã còn lại thuộc thị xã Hoài Nhơn: 300m².

b) Đối với các huyện:

- Các thị trấn thuộc huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh: 200m².

- Các thị trấn còn lại: 140m².

- Xã đồng bằng: 300m².

- Xã miền núi: 400m².

- Xã vùng cao: 500m².

2. Hạn mức công nhận đất ở

a) Đối với thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn:

- Các phường thuộc thành phố Quy Nhơn: 150m².

- Các xã thuộc thành phố Quy Nhơn; các phường: Bình Định, Đập Đá (thuộc thị xã An Nhơn); Bồng Sơn, Tam Quan (thuộc thị xã Hoài Nhơn): 250m²;

- Các phường: Nhơn Thành, Nhơn Hưng, Nhơn Hòa (thuộc thị xã An Nhơn), Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam, Hoài Hảo, Hoài Thanh Tây, Hoài Thanh, Hoài Hương, Hoài Xuân, Hoài Tân, Hoài Đức (thuộc thị xã Hoài Nhơn): 300m².

- Đối với xã miền núi (xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn): 600m²;

- Các xã thuộc thị xã An Nhơn và các xã còn lại thuộc thị xã Hoài Nhơn: 500m².

b) Đối với các huyện:

- Các thị trấn thuộc huyện An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh: 600m².

- Các thị trấn còn lại: 300m².

- Các xã đồng bằng: 500m².

- Các xã miền núi: 600m².

- Xã vùng cao: 800m².

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2024.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:


a) Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh;

b) Quyết định số 78/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Bổ sung hạn mức đất ở trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN và MT;
- Cục QH và PTTND-Bộ TN và MT;
- Cục KTVB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn DDBQH tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ VP UBND tỉnh
- CV VP UBND tỉnh;
- BTCĐ tỉnh;
- Lưu: VT, TTTHCB, K4. 

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh